

Bản án số: 55/2024/DS-ST

Ngày: 02-8-2024

V/v “Tranh chấp hợp
đồng tín dụng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trà Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Khánh Phượng

Ông Hoàng Minh Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vân-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 186/2024/TLST-DS ngày 08/5/2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 232/2024/QĐXXST-DS ngày 14/6/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 158/2024/QĐST-DS ngày 03/7/2024 giữa:

1/ Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần N

Địa chỉ: A T, phường L, Quận H, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T; chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn L; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần N-chi nhánh Q (Văn bản ủy quyền số 213/UQ-VCB-PC, ngày 15/3/2024)

Người đại diện theo ủy quyền lại:

+ Ông Tôn Long T1; chức vụ: Phó Trưởng Phòng Khách hàng bán lẻ.

+ Ông Nguyễn Ngọc V; chức vụ: Phó Trưởng Phòng Khách hàng bán lẻ.

Ông V vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

(Văn bản ủy quyền số: 179/UQ-NHNT.QNg, ngày 25/3/2024)

Địa chỉ: Số C H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi

2/ Bị đơn: Bà Đỗ Thị Thu O, sinh năm 1980, địa chỉ: Thôn C, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 25/3/2024, bản trình bày ngày 27/5/2024, trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần N (được viết tắt Ngân hàng) là ông Nguyễn Ngọc V trình bày:

Bà Đỗ Thị Thu O có quan hệ tín dụng với Ngân hàng từ năm 2014 và hiện nay bà O còn nợ vay theo các Hợp đồng cho vay đã ký kết với Ngân hàng như sau:

1/ Hợp đồng tín dụng số 0825/14/KHTN.QNg ngày 19/02/2014.

Ngày 19/02/2014, bà Đỗ Thị Thu O và Ngân hàng ký Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 0825/14/KHTN.QNg vay với số tiền 60.000.000 đồng (*bằng chữ: Sáu mươi triệu đồng chẵn*) với mục đích sửa nhà và mua sắm vật dụng gia đình; Thời hạn vay: 36 tháng; Thời hạn rút vốn: 01 tháng.

Lãi suất cho vay trong hạn: Áp dụng lãi suất cho vay trung hạn cán bộ nhân viên; kỳ điều chỉnh 08 tháng/lần kể từ ngày nhận nợ đầu tiên. Lãi suất cho vay được xác định và ghi trên Giấy nhận nợ tại thời điểm nhận nợ.

Nợ gốc trả 01 tháng/lần vào ngày 20 hàng tháng; số tiền gốc phải trả từ kỳ 01 đến kỳ 35 là 1.700.000 đồng/kỳ. Số tiền gốc trả cuối kỳ là 500.000 đồng. Ngày trả nợ đầu tiên và ngày trả nợ cuối cùng được ghi trên giấy nhận nợ. Nợ lãi trả cùng ngày với ngày trả nợ gốc.

Ngày 19/02/2014, bà O đã nhận nợ theo Giấy nhận nợ số 0333/GNN-KHTN.QNg (số tài khoản vay 0278000281434), số tiền nhận nợ là 60.000.000 đồng (*bằng chữ: Sáu mươi triệu đồng chẵn*); lãi suất lúc nhận nợ là 12,6%/năm.

Tuy nhiên đến kỳ hạn trả nợ gốc bà O không thực hiện thanh toán đúng kỳ hạn như trong Hợp đồng đã ký kết nên khoản nợ đã bị quá hạn từ ngày 20/8/2015.

Trong quá trình vay đến ngày làm đơn khởi kiện, bà O đã trả được nợ gốc là 27.200.000 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi bảy triệu hai trăm ngàn đồng*); nợ lãi là 7.710.986 đồng (*bằng chữ: Bảy triệu, bảy trăm mười nghìn, chín trăm tám sáu đồng*).

2/ Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 1624/14/KHTN.QNg ngày 29/4/2014.

Ngày 29/4/2014, bà Đỗ Thị Thu O và Ngân hàng ký Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 1624/14/KHTN.QNg vay với số tiền 10.000.000 đồng (*bằng chữ: Mười triệu đồng chẵn*) với mục đích mua sắm vật dụng gia đình; Thời hạn vay: 36 tháng; Thời hạn rút vốn: 01 tháng.

Lãi suất cho vay trong hạn: Áp dụng lãi suất cho vay trung hạn cán bộ nhân viên; kỳ điều chỉnh 08 tháng/lần kể từ ngày nhận nợ đầu tiên. Lãi suất cho vay được xác định và ghi trên Giấy nhận nợ tại thời điểm nhận nợ.

Nợ gốc trả 01 tháng/lần vào ngày 20 hàng tháng; Số tiền trả nợ gốc kỳ 1 đến kỳ 35 là 280.000 đồng/kỳ, số tiền gốc trả cuối kỳ là 200.000 đồng. Nợ lãi trả cùng ngày với ngày trả nợ gốc.

Ngày 29/4/2014, bà O đã nhận nợ theo Giấy nhận nợ số 0974/GNN-KHTN.QNg (số tài khoản vay 0278000289405), số tiền nhận nợ là 10.000.000 đồng (*bằng chữ: Mười triệu đồng chẵn*); lãi suất lúc nhận nợ là 11,5%/năm.

Tuy nhiên đến kỳ hạn trả nợ gốc bà O không thực hiện thanh toán đúng kỳ hạn như trong Hợp đồng đã ký kết nên khoản nợ đã bị quá hạn từ ngày 20/8/2015.

Trong quá trình vay đến ngày làm đơn khởi kiện, bà O đã trả được nợ gốc là 4.200.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn triệu hai trăm ngàn đồng*); nợ lãi là 1.094.988 đồng (*bằng chữ: Một triệu, không trăm chín mươi bốn nghìn, chín trăm tám mươi tám đồng*).

3/ Quá trình thu hồi nợ vay và xử lý nợ vay:

Trong quá trình vay vốn và thu hồi nợ vay, Ngân hàng thường xuyên kiểm tra đơn đốc bà O trả nợ bằng nhiều hình thức và biện pháp khác nhau, thể hiện qua các tài liệu văn bản sau: Giấy mời số 53/GN-KHBL.QNg ngày 16/12/2019; số 53/GM-KHBL.QNg ngày 10/5/2020; số 90/GM-KHBL.QNg ngày 10/5/2021; số 254/GM-KHBL.QNg ngày 10/10/2022; Thông báo nợ số 722/VCB.QNG-KHBL ngày 12/10/2015; Thông báo khởi kiện số 1076/VCB.QNg-KHBL ngày 21/08/2018 và thông báo số 115/NHNT.QNg.KHBL ngày 03/10/2023 nhưng bà O không hợp tác, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Như vậy, tính đến hết ngày 01/8/2024, khoản vay của bà O còn nợ như sau:

Hợp đồng tín dụng số 0825/14/KHTN.QNg ngày 19/02/2014, số tiền vay 60.000.000 đồng, số tiền gốc đã trả 27.200.000 đồng, số tiền lãi đã trả 7.710.986 đồng, số tiền lãi phạt đã thu 126 đồng, dư nợ gốc 32.800.000 đồng, lãi trong hạn 33.967.862 đồng, lãi quá hạn 15.706.055 đồng.

Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 1624/14/KHTN.QNg ngày 29/4/2014, số tiền vay 10.000.000 đồng, số tiền gốc đã trả 4.200.000 đồng, số tiền lãi đã trả 1.094.988 đồng, số tiền lãi phạt đã thu 246 đồng, dư nợ gốc 5.800.000 đồng, lãi trong hạn 6.019.497 đồng, lãi quá hạn 2.740.787 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP N yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi giải quyết: Buộc bà Đỗ Thị Thu O có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền 97.034.201 đồng. Trong đó, số tiền gốc: 38.600.000 đồng, số tiền lãi trong hạn: 39.987.359 đồng và lãi quá hạn là: 18.446.842 đồng (*Lãi vay tạm tính đến hết ngày 01/8/2024*) và tiếp tục tính lãi toàn bộ số nợ trên dư nợ gốc theo Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 0825/14/KHTN.QNg ngày 19/02/2014 và số 1624/14/KHTN.QNg ngày 29/4/2014 cho đến khi bà O trả xong các khoản nợ.

* Bị đơn bà Đỗ Thị Thu O không đến Tòa án để trình bày ý kiến.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về những nội dung sau:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng.

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán

Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng sơ thẩm đối với vụ án theo trình tự thời gian từ khi tiếp nhận đơn khởi kiện cho đến khi thụ lý vụ án, xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, Viện kiểm sát và các thủ tục tố tụng khác do Tòa án tiến hành đảm bảo đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định tại Điều 49, 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Nguyên đơn và người đại theo ủy quyền chấp hành đầy đủ theo quy định tại Điều 70, 72, 85 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

II. Về việc giải quyết vụ án.

Căn cứ Điều 26, 91, 92, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP N.

Buộc bà Đỗ Thị Thu O có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền 97.034.201 đồng (*Chín mươi bảy triệu, không trăm ba mươi bốn nghìn, hai trăm lẻ một đồng*). Trong đó, số tiền gốc: 38.600.000 đồng (*Ba mươi tám triệu sáu trăm ngàn đồng*), số tiền lãi trong hạn: 39.987.359 đồng và lãi quá hạn là: 18.446.842 đồng (*Lãi vay tạm tính đến hết ngày 01/8/2024*) và tiếp tục tính lãi toàn bộ số nợ trên dư nợ gốc kể từ ngày 02/8/2024 theo Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 0825/14/KHTN.QNg ngày 19/02/2014 và số 1624/14/KHTN.QNg ngày 29/4/2014 cho đến khi bà Đỗ Thị Thu O trả xong các khoản nợ.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Do đó bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP N số tiền tạm ứng án phí 2.365.743 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002785 ngày 08/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Đỗ Thị Thu O đã được triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Đối với Ngân hàng TMCP N yêu cầu bà Đỗ Thị Thu O trả nợ tiền gốc và tiền lãi, nhận thấy:

Khi giao kết Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 0825/14/KHTN.QNg, ngày 19/02/2014 và Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 1624/14/KHTN.QNg ngày 29/4/2014 giữa Ngân hàng và bà Đỗ Thị Thu O đều tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, nội dung, mục đích, hình thức của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái với quy định của pháp luật và đúng với quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, nên các Hợp đồng cho vay nêu trên là hợp pháp, có hiệu lực, các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo cam kết, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp, thì bà Đỗ Thị Thu O có vay của Ngân hàng TMCP N. Cụ thể: Số tiền đã nhận nợ: 70.000.000 đồng, mục đích vay: Sửa nhà và mua sắm vật dụng gia đình; Nợ gốc trả định kỳ hàng tháng; Nợ lãi trả cùng ngày với ngày trả nợ gốc. Số tiền gốc đã trả được 31.400.000 đồng, số tiền lãi đã trả được 8.805.974 đồng.

Trong quá trình vay, bà Đỗ Thị Thu O không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với bà Đỗ Thị Thu O nhưng đến nay vẫn không trả nợ cho Ngân hàng. Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên thì bà O đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định Điều 5, Điều 7 của các Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 0825/14/KHTN.QNg, ngày 19/02/2014 và Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 1624/14/KHTN.QNg ngày 29/4/2014 và vi phạm Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên Ngân hàng TMCP N yêu cầu bà Đỗ Thị Thu O trả tiền gốc và lãi là có căn cứ được chấp nhận. Cụ thể, bà Đỗ Thị Thu O phải trả cho Ngân hàng tính đến hết ngày 01/8/2024 là số tiền nợ gốc 3 8.600.000 đồng; nợ lãi trong hạn 39.987.359 đồng; nợ lãi quá hạn 18.446.842 đồng; tổng cộng 97.034.201 đồng.

Và bà O tiếp tục trả tiền lãi, lãi quá hạn theo lãi suất đã thỏa thuận tại các Hợp đồng cho vay nêu trên từ ngày 02/8/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ vay cho Ngân hàng là phù hợp với quy định tại Điều 3 của Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 0825/14/KHTN.QNg, ngày 19/02/2014 và Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 1624/14/KHTN.QNg ngày 29/4/2014.

Ngân hàng TMCP N đã áp dụng tính tiền lãi đúng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và đúng theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn bà Đỗ Thị Thu O đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng có nội dung Ngân hàng yêu cầu bà O trả nợ gốc và nợ lãi, tuy nhiên bà O không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc Ngân hàng yêu cầu trả nợ và cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện do Ngân hàng đưa ra, nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N được chấp nhận. Do đó bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.851.710 đồng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP N số tiền tạm ứng án phí 2.365.743 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002785 ngày 08/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 91, 92, 144, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, 266, 267, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, 118, 119, 357, 401, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP N.

Buộc bà Đỗ Thị Thu O có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền 97.034.201 đồng (*Chín mươi bảy triệu, không trăm ba mươi bốn nghìn, hai trăm lẻ một đồng*). Trong đó, số tiền gốc: 38.600.000 đồng (*Ba mươi tám triệu sáu trăm ngàn đồng*), số tiền lãi trong hạn: 39.987.359 đồng và lãi quá hạn là: 18.446.842 đồng (*Lãi vay tạm tính đến hết ngày 01/8/2024*) và tiếp tục tính lãi toàn bộ số nợ trên dư nợ gốc kể từ ngày 02/8/2024 theo Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 0825/14/KHTN.QNg ngày 19/02/2014 và số 1624/14/KHTN.QNg ngày 29/4/2014 cho đến khi bà Đỗ Thị Thu O trả xong các khoản nợ.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Thu O phải chịu là 4.851.710 đồng (*Bốn triệu, tám trăm năm mươi một nghìn, bảy trăm mười đồng*).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP N số tiền tạm ứng án phí 2.365.743 đồng (*Hai triệu, ba trăm sáu mươi lăm nghìn, bảy trăm bốn mươi ba đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002785 ngày 08/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4/ Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tp Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS tp Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trà Thanh Tùng